

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 9/2020/DS-ST

Ngày 29/9/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hà Minh Lực.

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Lưu Danh Sử.

- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Tạo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Đào Sỹ Kiều, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST - DS ngày 4 tháng 3 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXX-DS ngày 27 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên số 04 ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ngân hàng Chính sách xã hội.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Dương Quyết T – Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, TP Hà Nội.

Ủy quyền cho Phòng giao NHCSXH huyện N.

Ông Vũ Văn Q – Giám Đốc. Vắng mặt có đơn đề nghị xử vắng mặt.

**Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974 ( vắng mặt )

Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Ông Lê Xuân D, sinh năm 1973 ( vắng mặt )

Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Ninh Bình

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 4/ 3/2020, biên bản hòa giải ngày 13 tháng 7 năm 2020 và trong đơn xin xử vắng mặt :

**Ông Vũ Văn Q trình bày:** Vào tháng 11 năm 2009 bà Nguyễn Thị Q có vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện N vay theo chương trình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, số tiền là 30.000.000đ thời hạn 36 tháng, lãi suất được chính phủ hỗ trợ từ ngày 21/11/2009 đến ngày 20/11/2011 là 0,57%/tháng, từ ngày 21/11/2011 trở đi lãi suất 0,9%/tháng cho đến hạn trả nợ cuối cùng, đến tháng 5 năm 2010 bà Nguyễn Thị Q lại tiếp tục vay vốn Ngân hàng chính sách XH huyện N theo chương trình nước sạch số tiền là 8.000.000đ, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 0,9%/tháng. Kể từ khi vay cho đến nay bà Q chưa trả được số tiền gốc của 02 khoản vay cho Ngân hàng chính sách XH huyện N cụ thể :

- Gốc của 02 khoản = 38.000.000đ.

- Nợ lãi của 02 khoản vay trên tính đến ngày 29/9/2020 = 44.675.154đ

Tổng cộng tiền gốc và lãi 82.675.154 đ.

Quan điểm của Ngân hàng chính sách xã hội N yêu cầu Buộc bà Nguyễn Thị Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Xuân D phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N toàn bộ số tiền gốc là 38.000.000đ và lãi của hai khoản vay đến ngày 29/9/2020 là 52.675.154 đồng tổng cả gốc lẫn lãi là 82,675,154 đồng. (Trong đó tổng số tiền lãi đối với khoản vay 30.000.000 đồng tính đến ngày 29/9/2020 là 35. 261.263 đồng; Đối với khoản vay 8.000.000 đồng tính đến ngày 29/9/2020 thì tổng tiền lãi là 9.413.891 đồng). Vợ chồng bà Q, ông D phải chịu số tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo hợp đồng.

**Ý kiến của Bà Q:** Tại biên bản lấy lời khai ngày 3/7/2020, biên bản hòa giải ngày 13 tháng 7 năm 2020, bà Q trình bày :

Tháng 11 năm 2009 bà có vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội huyện N vay theo chương trình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn, số tiền là 30.000.000đ thời hạn 36 tháng, lãi suất được chính phủ hỗ trợ từ ngày 21/11/2009 đến ngày 20/11/2011 là 0,57%/tháng, từ ngày 21/11/2011 trở đi lãi suất 0,9%/tháng cho đến hạn trả nợ cuối cùng, đến tháng 5 năm 2010 bà lại tiếp tục vay vốn Ngân hàng chính sách XH huyện N theo chương trình nước sạch số tiền là 8.000.000đ, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất 0,9%/tháng. Kể từ khi vay cho đến nay bà chưa trả được gốc của 02 khoản vay cho Ngân hàng chính sách XH huyện N còn lãi bà đã trả nhưng đến nay trả được bao nhiêu tháng bà không nhớ, cụ thể:

- Gốc của 02 khoản vay = 38.000.000đ.

- Nợ lãi của 02 khoản vay trên tính đến ngày 13/7/2020 = 43.535.031đ.

Tổng cộng tiền gốc và lãi 81.535.031đ.

Quan điểm của bà Q sẽ có trách nhiệm trả số tiền gốc nói trên cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên chị xin Ngân hàng chính sách xã hội miễn toàn bộ số tiền lãi là 43.535.031đ, còn đối với số tiền gốc 38.000.000đ bà sẽ xin được trả dần theo tháng, mỗi tháng là 500.000đ cho đến khi hết số tiền gốc.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quan điểm:**

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên Tòa, Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

*Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị: Áp dụng Khoản 3 điều 26, điểm Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;*

*Các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự 2015*

*Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.*

*Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.*

**Đề nghị xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Xuân D phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 29/9/2020 là: 82.675.154 đ. (Trong đó tổng số tiền gốc là 38.000.000 đồng và lãi đối với khoản vay 30.000.000 đồng tính đến ngày 29/9/2020 thì tổng tiền lãi là 35.261.263 đồng; Đối với khoản vay 8.000.000 đồng tính đến ngày 29/9/2020 thì tổng tiền lãi là 9.413.891 đồng). Vợ chồng bà Q, ông D phải chịu số tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo hợp đồng.

**2. Án phí dân sự sơ thẩm:** Ngân hàng chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình không phải chịu.

Bà Nguyễn Thị Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Xuân D là bên có lỗi trong hợp đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 4.133.757 đồng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

**1. Về thủ tục tố tụng:**

- Về hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự cần được xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho các đương sự. Đến ngày 03 tháng 7 năm 2020. Tòa án nhân dân huyện N đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

**2. Về nội dung án:** Đối với ý kiến của Phòng giao dịch NHCSXH huyện N, tỉnh Ninh Bình, do ông Vũ Văn Q là đại diện khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Xuân D phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 29/9/2020 là: 82.675.154 đồng. (Trong đó tổng số tiền gốc là 38.000.000 đồng và lãi đối với khoản vay 30.000.000 đồng tính đến ngày 29/9/2020 thì tổng tiền lãi là 35.261.263 đồng; Đối với khoản vay 8.000.000 đồng tính đến ngày 29/9/2020 thì tổng tiền lãi là 9.413.891 đồng). Vợ chồng bà Q, ông D phải chịu số tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định:

Hợp đồng dân sự giữa Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N và vợ chồng bà Nguyễn Thị Q và ông Lê Xuân D được phát sinh từ giao dịch dân sự. Từ đó hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi vay đã kí kết giữa Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N và vợ chồng bà Q, ông D đã được xác lập và hình thành, quyền và nghĩa vụ của các bên đã phát sinh và chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Đối với Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong việc giao tiền đúng hạn và đầy đủ đúng số lượng tiền như đã kí kết. Quá trình ký kết hồ sơ vay vốn và trực tiếp ký nhận tiền vay tại Ngân hàng chính sách xã hội là do bà Q thực hiện. Việc trả nợ theo hợp đồng thì bà Q và ông D đã không thực hiện đúng như trong hợp đồng đã kí kết đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Quan hệ vợ chồng bà Q và ông D vẫn tồn tại cả về pháp lý và thực tế. Các giao dịch dân sự cũng như hợp đồng phát sinh sử dụng vào mục đích chung của vợ chồng và gia đình do vợ hoặc chồng đã thực hiện thì vợ chồng có các quyền và nghĩa vụ chung theo quy định của pháp luật. Vì vậy ông D cũng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm cùng với bà Q trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N.

Từ thực tế và các căn cứ nêu trên. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N là có căn cứ đúng quy định tại các điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và các điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Phòng giao dịch huyện N; Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Xuân D phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 29/9/2020 là: 82.675.154 đ. (Trong đó tổng số tiền gốc là 38.000.000 đồng và lãi đối với khoản vay 30.000.000 đồng tính đến ngày 29/9/2020 thì tổng tiền lãi là 35.261.263 đồng; Đối với khoản vay 8.000.000 đồng tính đến ngày 29/9/2020 thì tổng tiền lãi là 9.413.891 đồng). Vợ chồng bà Q, ông D phải chịu số tiền lãi phát sinh theo sổ vay vốn kể từ ngày 30/9/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo hợp đồng. Buộc bà Nguyễn Thị Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Xuân D phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N toàn bộ số tiền gốc là 38.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 29/09/2020 là 44.675.154 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 30/09/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

**3. Án phí dân sự sơ thẩm:** Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình không phải chịu.

Bà Nguyễn Thị Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Xuân D là bên có lỗi trong hợp đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 4.133.757 đồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, các Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005 và các điều 463, 466, 470, 688 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử.

**1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình.**

Buộc bà Nguyễn Thị Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Xuân D phải trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N toàn bộ số tiền gốc là 38.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 29/09/2020 là 44.675.154 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 30/09/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay theo hợp đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thì hành án đối với khoản tiền mà vợ chồng bà Q, ông D phải thi hành cho đến khi thi hành xong hàng tháng vợ chồng bà Q, ông D*

*còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

**2. Án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Nguyễn Thị Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Xuân D là bên có lỗi trong hợp đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 4.133.757 đồng.

**3. Quyền kháng cáo:** Phòng giao dịch NHCSXH huyện N, tỉnh Ninh Bình, bà Nguyễn Thị Q, ông Lê Xuân D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện N
- THADS huyện N
- Dương sự
- Lưu/.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
**(đã ký)**

**Hà Minh Lực**













